TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 3 – 2023
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thủy;

2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Minh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh Tuấn T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Minh T trình bày:*

Chị Phạm Minh T và anh Đỗ Thanh Tuấn T1 chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/8/2018. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết trước, tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T1 không lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè để uống rượu, bia, cờ bạc, chị T đã khuyên ngăn anh T1 nhiều lần nhưng không được. Chị T và anh T1 đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T1.

Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Đỗ Thành T2, sinh ngày 27/10/2018. Hiện nay cháu đang sống với chị T tại địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phạm Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Minh T yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Thanh Tuấn T1.

- Về con chung: Chị Phạm Minh T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đỗ Thành T2 đến khi cháu thành niên, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Thanh Tuấn T1 không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.*

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 của chị Phạm Minh T (bản chính); Trích lục kết hôn giữa chị Phạm Minh T và anh Đỗ Thanh Tuấn T1 (bản sao) và giấy khai sinh của cháu Đỗ Thành T2 (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Minh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Thanh Tuấn T1 cư trú tại ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Thanh Tuấn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Minh T và anh Đỗ Thanh Tuấn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/8/2018. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Phạm Minh T và anh Đỗ Thanh Tuấn T1 là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo trình bày của chị T thì trong thời gian anh chị chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên tụ tập bạn bè để nhậu, không lo làm ăn; anh chị đã ly thân từ năm 2020, trong thời gian này, anh chị không có hàn gắn tình cảm với nhau; Hiện nay, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 nhiều lần để hòa giải, nhưng anh T1 không đến Tòa án để hòa giải và trình bày ý kiến của mình. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nhưng từ những phân tích trên cho thấy, anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Minh T đối với anh Đỗ Thanh Tuấn T1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Minh T và anh Đỗ Thanh Tuấn T1 có 01 con chung tên Đỗ Thành T2, sinh ngày 27/10/2018, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu T2 đang sống với chị T; Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có yêu cầu được quyền nuôi con. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu T2, đảm bảo cho cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, tiếp tục giao cháu T2 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Minh T không yêu cầu anh Đỗ Thanh Tuấn T1 cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh T1 không có ý kiến và yêu cầu về tài sản chung và nợ chung; Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Phạm Minh T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều

69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Minh T.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Minh T được ly hôn với anh Đỗ Thanh Tuấn T1.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thành T2, sinh ngày 27/10/2018 cho chị Phạm Minh T được quyền trực tiếp nuôi con.

Anh Đỗ Thanh Tuấn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Đỗ Thanh Tuấn T1 không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phạm Minh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đỗ Thanh Tuấn T1.

Anh Đỗ Thanh Tuấn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Phạm Minh T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Phạm Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016046 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Phạm Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Thanh Tuấn T1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã E, huyện F, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 111/2018, ngày 28/8/2018);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bạch Phiến